



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dược phẩm Hà Tây

Ngày 31/12/2025	70,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.3%	-8.3%	-5.5%

DT thuần Q4/25
693
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 54.0 8.4%
YoY: ▲ 151 27.8%

LN thuần Q4/25
9.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.16 -1.6%
YoY: ▼15.2 -60.8%

LN sau thuế Q4/25
10.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.30 -11.3%
YoY: ▼10.2 -50.0%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
3.6%
YoY: +/- ▼ 1.6%

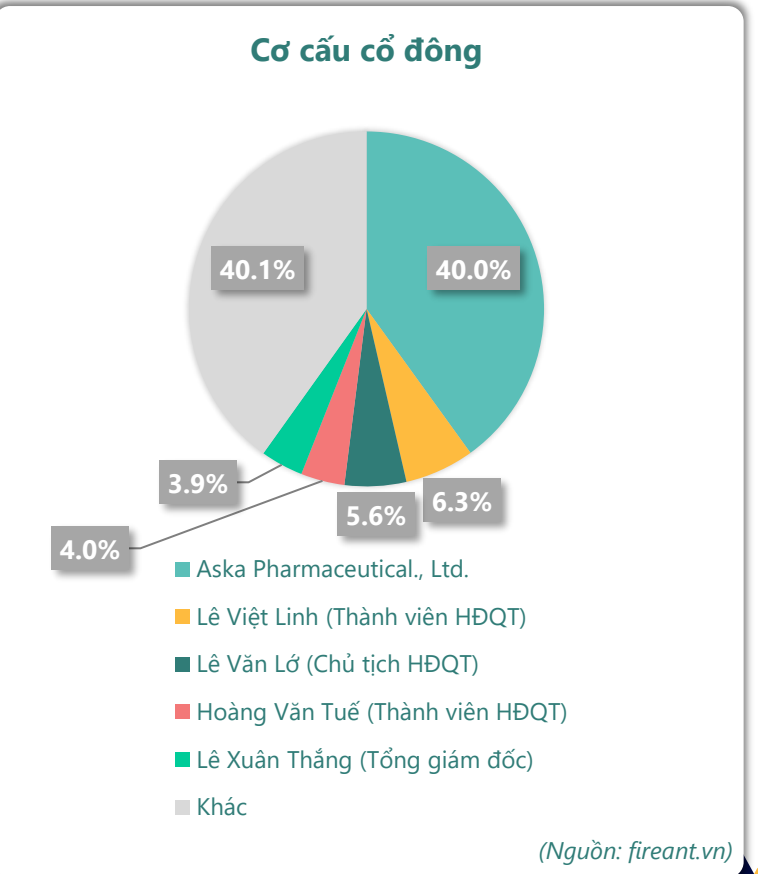
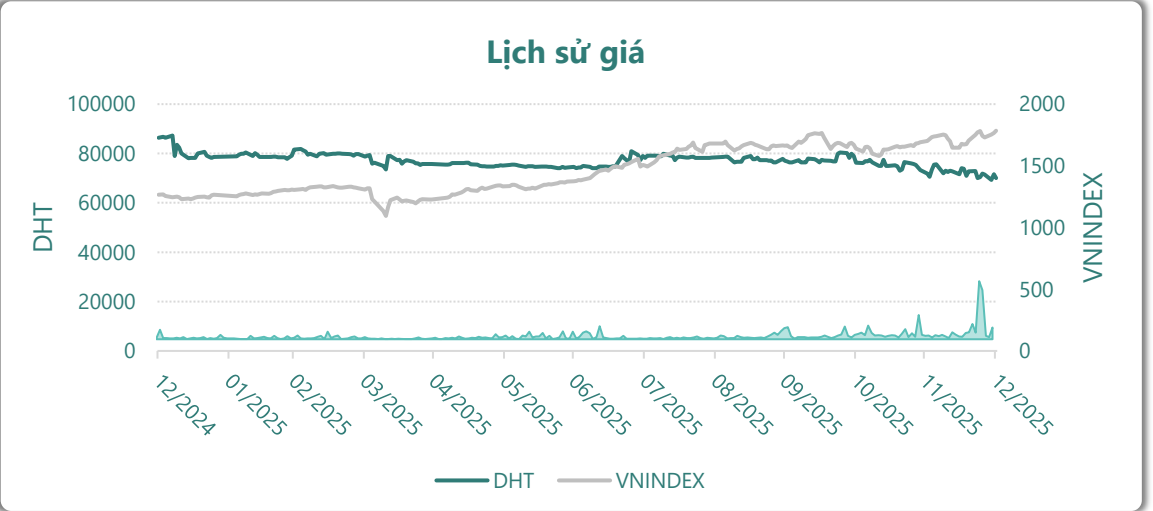
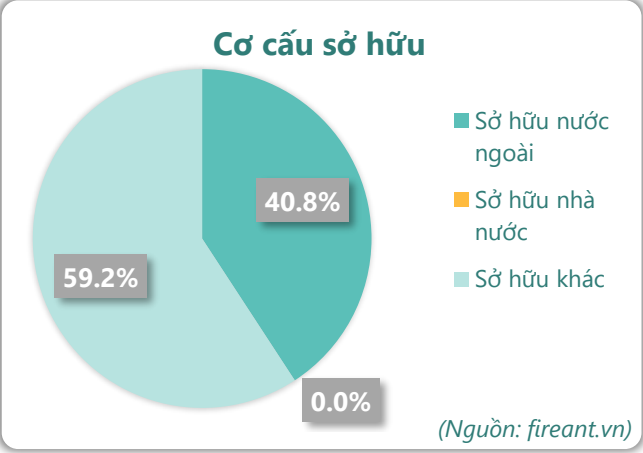
ROE 2025
4.9%
YoY: +/- ▼ 1.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	69,300 - 87,263
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,340
Số lượng CPLH (CP)	90,574,038
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,165
Sở hữu nước ngoài	40.8%
Beta	0.27
EPS	592
P/E	118.2

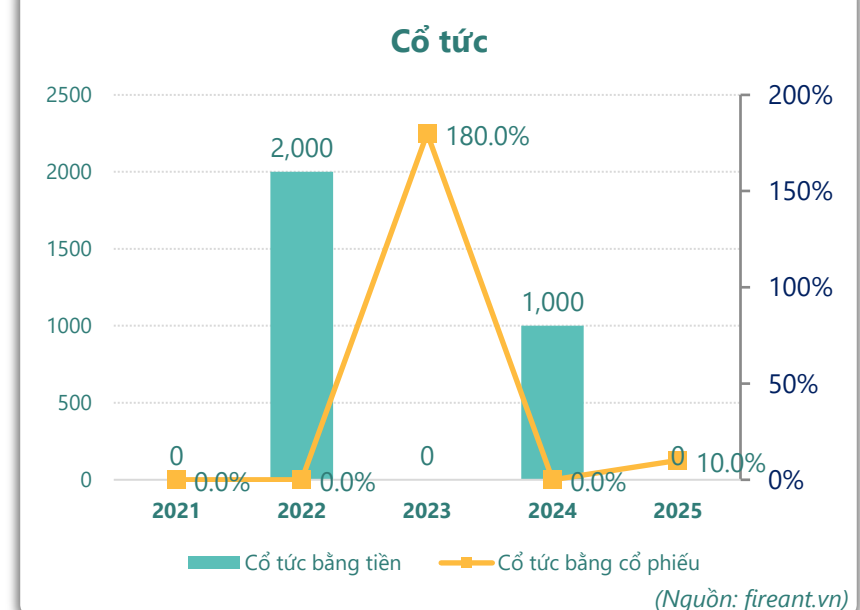
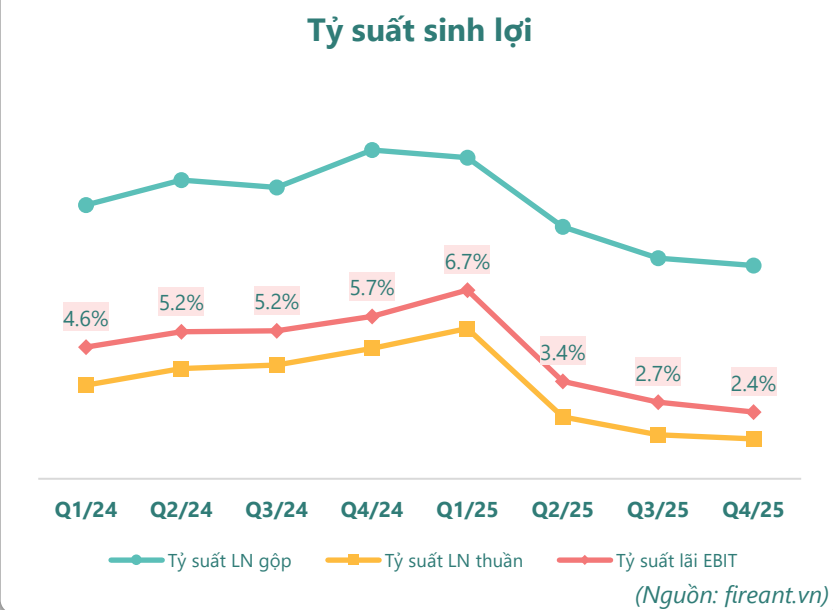
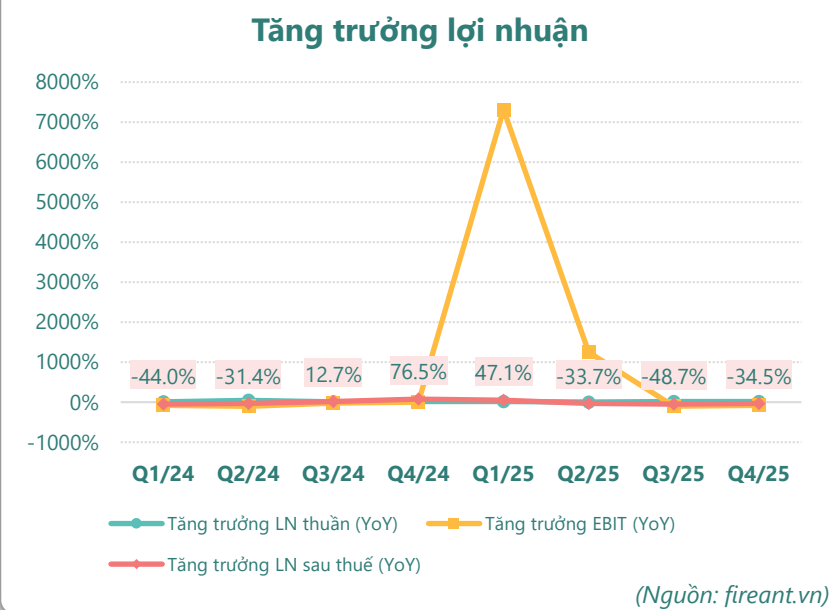
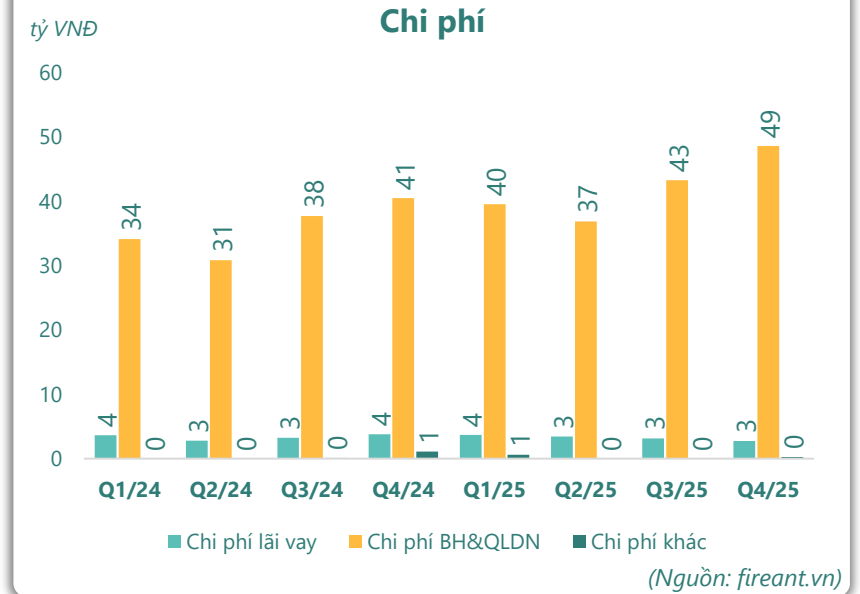
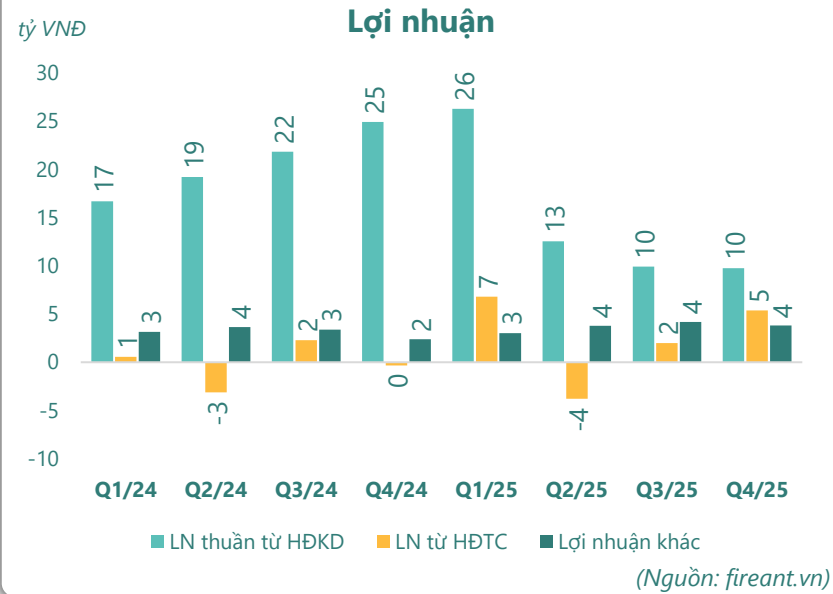
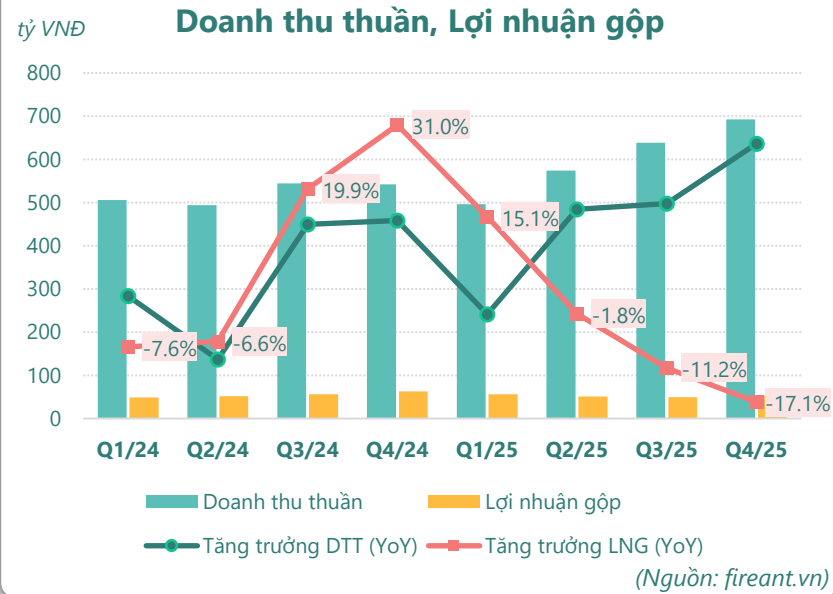
DT thuần 2025
2,402
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 316 15.1%

LN thuần 2025
58.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼24.2 -29.2%

LN sau thuế 2025
59.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.2 -21.5%



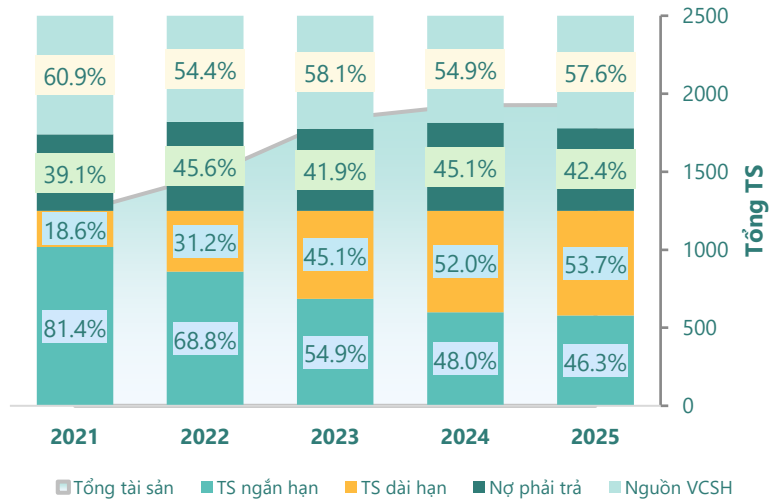
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

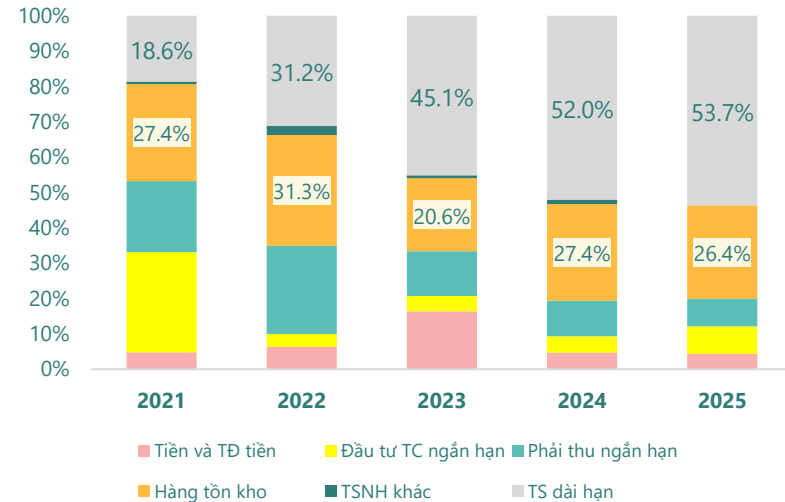
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

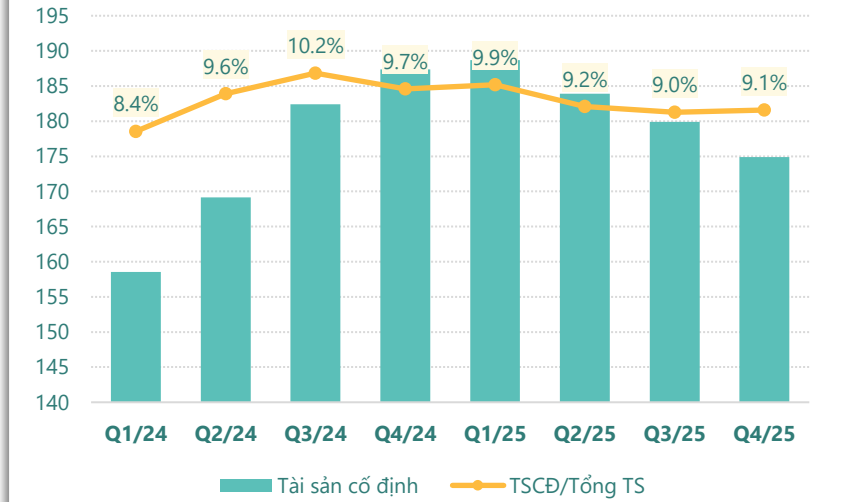
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

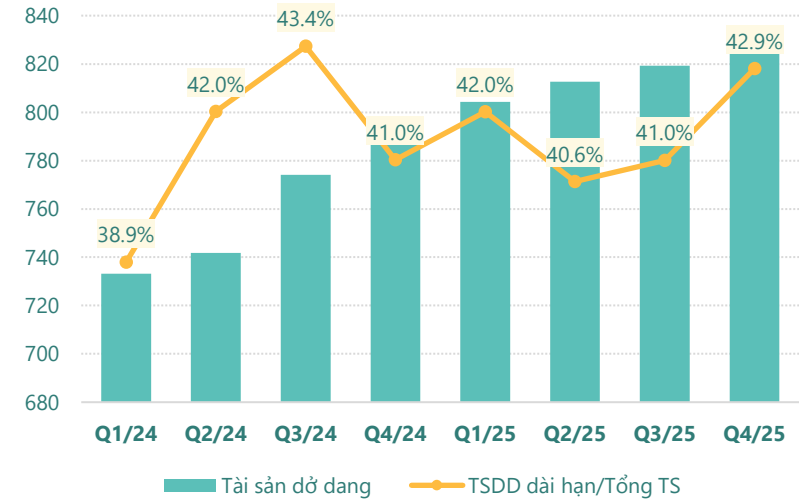
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

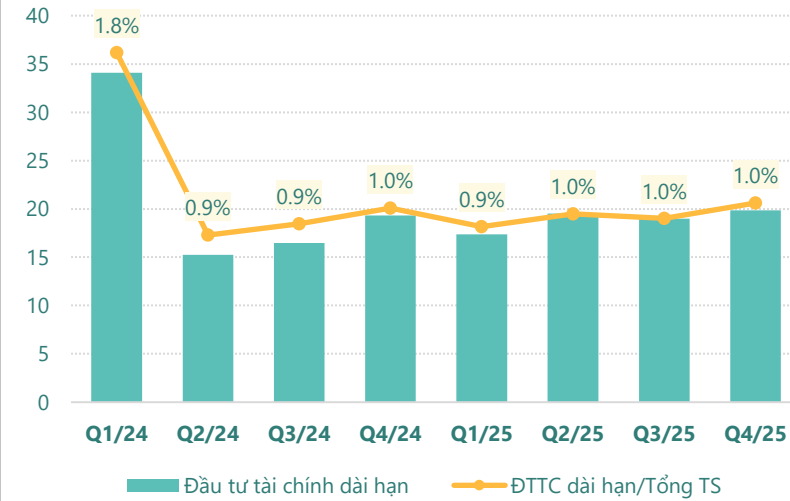
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

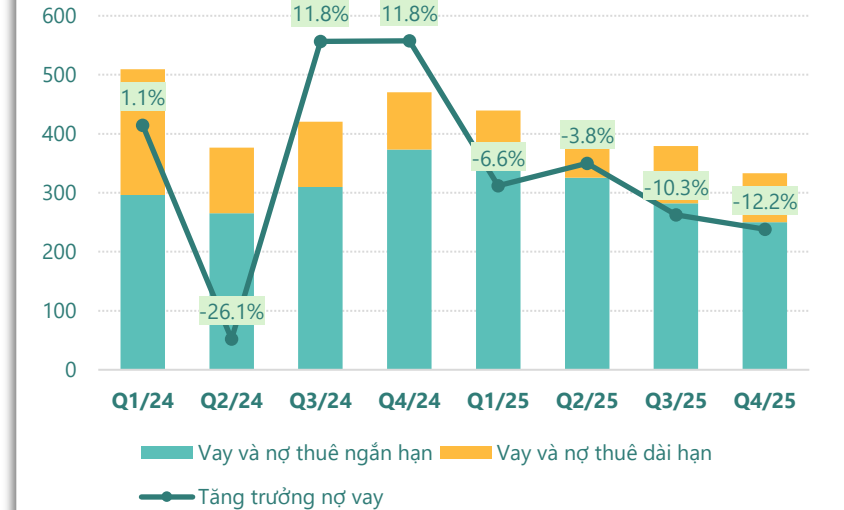
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

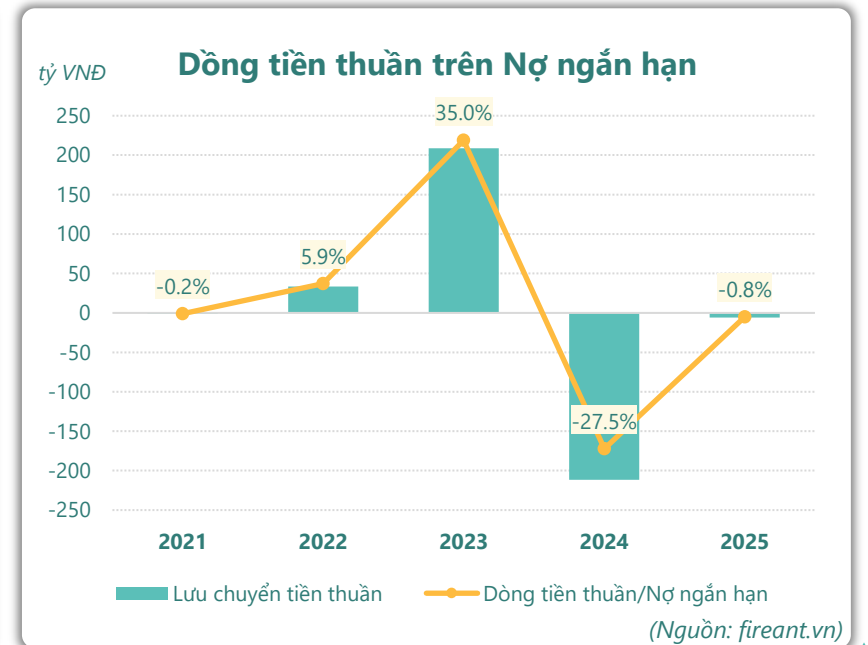
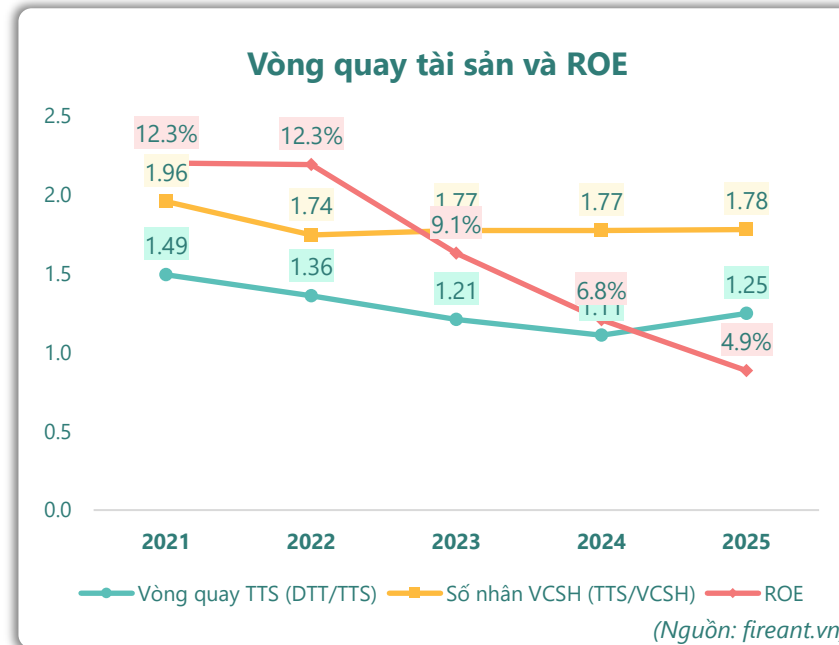
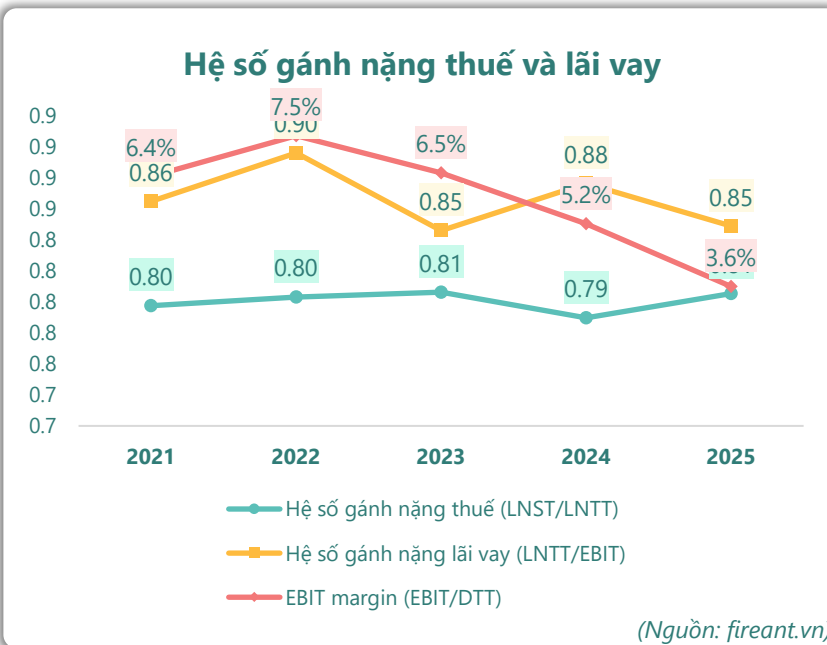
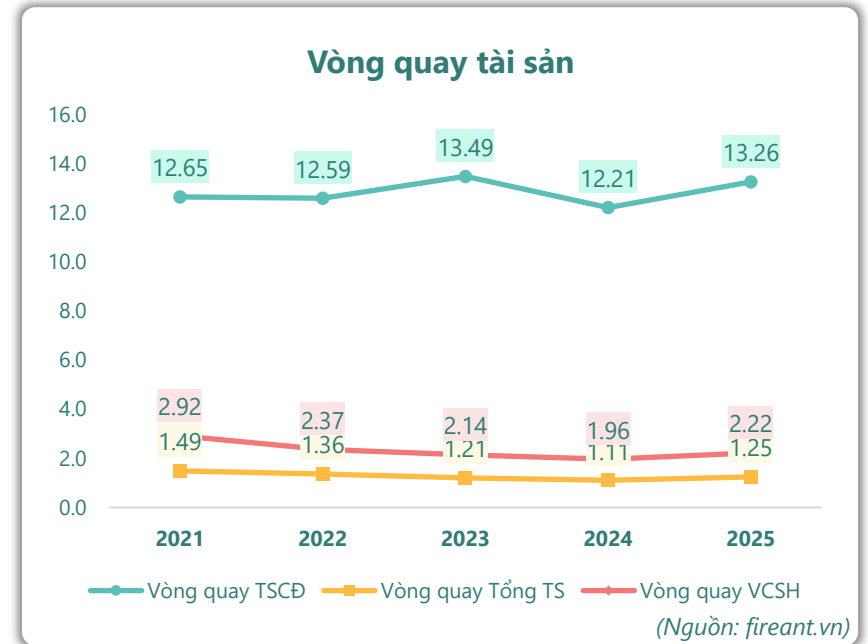
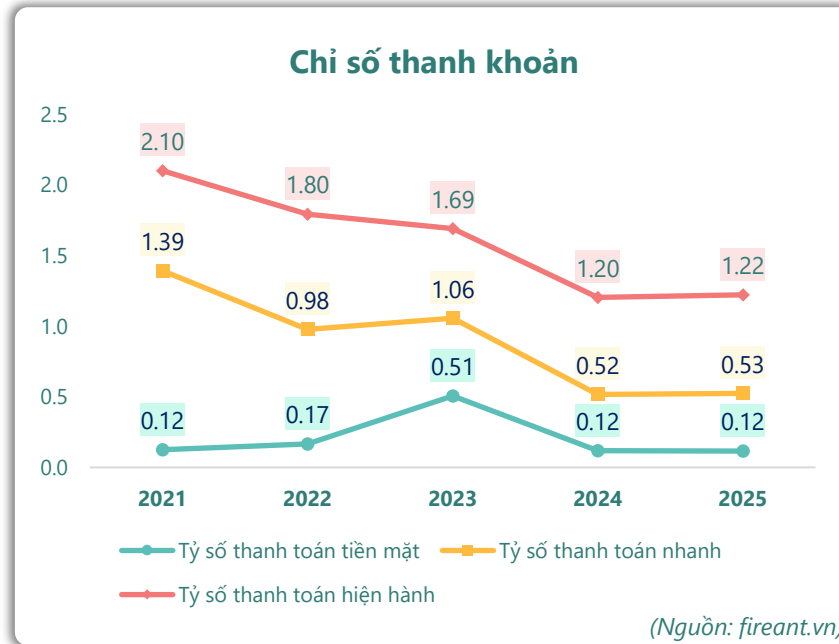
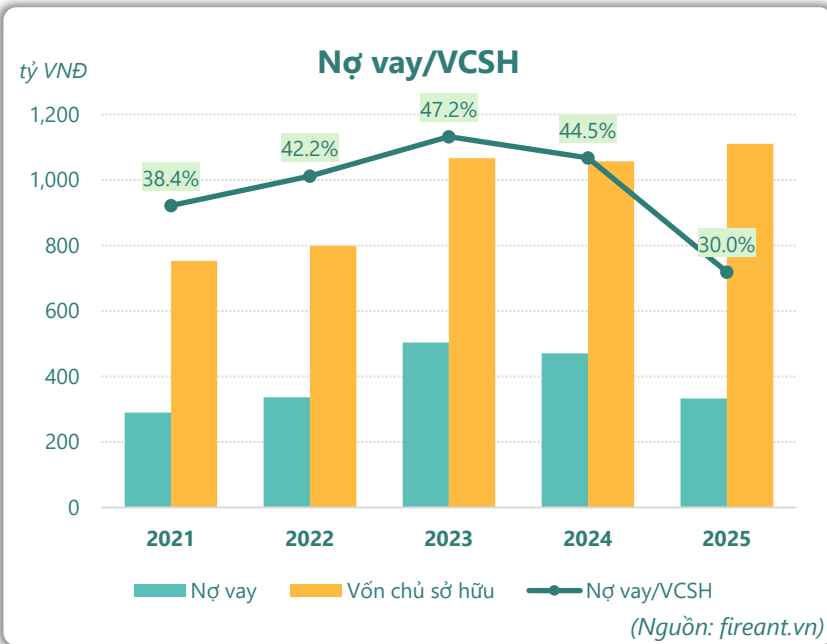
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	693	542	27.8%	2,402	2,086	15.1%
Giá vốn hàng bán	641	479	33.8%	2,193	1,867	17.5%
Lợi nhuận gộp	52.1	62.9	-17.1%	209	220	-4.8%
Doanh thu HĐTC	8.26	4.81	71.7%	30.2	19.5	54.6%
Chi phí TC	2.89	5.15	-43.9%	19.8	20.1	-1.6%
Chi phí lãi vay	2.76	3.79	-27.2%	13.1	13.4	-2.9%
LN trong công ty LKLD	0.86	2.87	-69.9%	7.39	6.76	9.4%
Chi phí bán hàng	13.2	7.51	75.6%	36.6	30.1	21.7%
Chi phí QLDN	35.5	33.0	7.4%	132	113	16.5%
LN thuần từ HĐKD	9.75	24.9	-60.8%	58.5	82.7	-29.2%
Lợi nhuận khác	3.81	2.37	60.9%	14.8	12.5	18.1%
LN trước thuế	13.6	27.3	-50.3%	73.3	95.2	-23.0%
Lợi nhuận sau thuế	10.2	20.4	-50.0%	59.0	75.2	-21.5%
LNST của CĐ cty mẹ	6.16	19.1	-67.7%	53.7	71.8	-25.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	58.4	-12.7	63.9	59.6	17.3	84.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-95.9	4.09	-59.4	50.3	-83.8	-0.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	44.2	9.59	-31.0	-16.6	-43.5	-46.1
Tiền đầu kỳ	82.5	89.3	90.3	63.8	157	47.2
Lưu chuyển tiền thuần	6.75	1.01	-26.5	93.3	-110	37.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.01	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	89.3	90.3	63.8	157	47.2	84.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,928	1,926	0.1%
Tài sản ngắn hạn	893	925	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	84.3	90.3	-6.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150	90.0	66.7%
Phải thu ngắn hạn	149	192	-22.5%
Hàng tồn kho	509	528	-3.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0	24.3	-100%
Tài sản dài hạn	1,035	1,001	3.4%
Phải thu dài hạn	6.41	0	
Tài sản cố định	175	187	-6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	827	790	4.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	19.9	19.3	2.7%
Tài sản dài hạn khác	6.82	4.63	47.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	817	870	-6.1%
Nợ ngắn hạn	730	768	-4.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	250	373	-33.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	257	235	9.4%
Nợ dài hạn	86.7	102	-14.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	83.1	96.9	-14.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,111	1,057	5.2%
Vốn chủ sở hữu	1,111	1,057	5.2%
Vốn điều lệ	906	823	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

